

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Luật
Tên tiếng Anh:	Law
Mã ngành:	7380101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Gia Lai, 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:2094 /QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Luật**
Mã ngành: **7380101**
Tên tiếng Anh: **Law**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật, mã ngành: 7380101 có khối kiến thức toàn khóa gồm 135 tín chỉ chưa bao gồm phần kiến thức về giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (8 tín chỉ). Về cấu trúc chương trình gồm: Khối kiến giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 17.8%); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 111 tín chỉ (chiếm 82.2%) bao gồm: Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành: 27 tín chỉ (chiếm 20%), kiến thức ngành và chuyên ngành: 46 tín chỉ (chiếm 34,1%) và kiến thức bổ trợ: 32 tín chỉ (chiếm 23.7%) và khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề thay thế: 6 tín chỉ (chiếm 4.4%).

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Luật
2. Mã ngành đào tạo	7380101
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135
7. Khoa quản lý	Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	04 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hiện hành

11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 135 tín chỉ; Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; Đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà Trường; Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất.
13. Vị trí việc làm	Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Luật có thể làm việc tại: - Các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương như: các bộ, ngành trung ương, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các tỉnh, các cơ quan tư pháp như tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, thi hành án. - Các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội - nghề nghiệp như: các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức quốc tế liên chính phủ, phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam. - Các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: văn phòng luật sư, công ty luật, tổ chức hành nghề công chứng, các trung tâm hòa giải trọng tài thương mại.

	- Các doanh nghiệp. - Các cơ sở giáo dục, đào tạo và nghiên cứu: công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, công tác nghiên cứu lĩnh vực chính sách, pháp luật. - Tự hành nghề sau khi có chứng chỉ hành nghề: luật sư, công chứng viên, thành lập và quản lý doanh nghiệp.
14. Học tập nâng cao trình độ	- Tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, công chứng viên... - Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành luật, quản lý nhà nước, hành chính công, chính sách công, chính trị học tại các trường đại học trong và ngoài nước.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình đào tạo ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội; Trường Đại học Luật – Đại học Huế, Trường Luật Đại học Emory, Hoa Kỳ
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 4/2025

1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 155/QĐCEA.UD ngày 06/06/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng.

1.3.1. Sứ mệnh - Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Sứ mệnh:

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

Toàn diện: Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

Khai phóng: Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

Thực nghiệp: Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Luật:

Chương trình đào tạo ngành Luật			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	x
		Các học phần thực tập, thực tế	x	x	x
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp		x	x	x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,		x	x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x		x
	Hiến máu nhân đạo		x	x	

	Hoạt động vì người nghèo		x	x	
					
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc.	x		x
	PLO2	Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật.	x		x
	PLO3	Vận dụng tốt kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực pháp luật.	x	x	x
	PLO4	Sử dụng được quy trình khai thác và xử lý dữ liệu trong lĩnh vực pháp luật để thực hiện các công việc chuyên môn.	x	x	x
	PLO5	Có khả năng làm việc theo nhóm để giải quyết công việc.	x	x	x
	PLO6	Vận dụng được kỹ năng lập luận, phản biện để thực hành nghề luật.	x	x	x
	PLO7	Thể hiện khả năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực tự học suốt đời.	x	x	x
	PLO8	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm đối với Tổ quốc và nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá chuyên môn về lĩnh vực pháp luật.	x	x	x

1.3.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi và Triết lý đào tạo của Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

Sứ mệnh:

Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn có sứ mệnh thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng về các lĩnh vực lý luận chính trị, pháp luật và quản lý nhà nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn trở thành đơn vị đào tạo theo định hướng ứng dụng có chất lượng, uy tín trong nước.

Giá trị cốt lõi:

Chất lượng - Sáng tạo - Hội nhập - Phát triển

Triết lý đào tạo:

“Gắn lý thuyết với thực hành, gắn đào tạo với trách nhiệm xã hội”

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật, có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

- + PO1: Có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật.
- + PO2: Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật.
- + PO3: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc.
- + PO4: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và ý thức phục vụ nhân dân.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về kiến thức

- 1) PLO1: Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc vào lĩnh vực pháp luật.
 - + PI 1.1: Khái quát hóa được kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc.
 - + PI 1.2: Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc vào lĩnh vực pháp luật.
- 2) PLO2: Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật.
 - + PI 2.1: Xác định được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật.
 - + PI 2.2: Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật.

1.5.2. Về kỹ năng

- 3) PLO3: Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực pháp luật.
 - + PI 3.1: Xây dựng phương pháp trình bày, truyền đạt ý tưởng các vấn đề liên quan đến lĩnh vực pháp luật.
 - + PI 3.2: Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp, tương tác thân thiện, hiệu quả và thích ứng với môi trường làm việc.
- 4) PLO4: Sử dụng được quy trình khai thác và xử lý dữ liệu đáp ứng yêu cầu về năng lực số trong lĩnh vực pháp luật để thực hiện các công việc chuyên môn.

- + PI 4.1: Xác định được quy trình khai thác và xử lý dữ liệu đáp ứng yêu cầu về năng lực số trong các lĩnh vực liên quan để thực hiện các công việc chuyên môn.
- + PI 4.2: Thực hiện thu thập và xử lý dữ liệu từ đáp ứng yêu cầu về năng lực số để thực hiện các công việc chuyên môn.
- + PI 4.3: Thực hiện được kỹ năng soạn thảo các văn bản văn bản pháp luật, nghị luận pháp lý.

5) PLO5: Có khả năng làm việc theo nhóm để giải quyết công việc.

- + PI 5.1: Hình thành nhóm, lập kế hoạch hoạt động nhóm.
- + PI 5.2: Tham gia đóng góp cho hoạt động của nhóm, thực hiện nhiệm vụ được phân công để đạt được các mục tiêu đề ra.

6) PLO6: Vận dụng được kỹ năng lập luận, phản biện để thực hành nghề luật.

- + PI 6.1: Xác định được các vấn đề cần lập luận, phản biện pháp lý.
- + PI 6.2: Diễn đạt bằng lời nói hoặc văn bản các lập luận, phản biện pháp lý.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

7) PLO7: Thể hiện khả năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực tự học suốt đời.

- + PI 7.1: Thể hiện sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập thông qua việc chủ động thu thập kiến thức, thông tin liên quan từ các nguồn khác nhau.
- + PI 7.2: Thực hiện năng lực tìm kiếm và chuyển tải thông tin thành kiến thức để áp dụng vào giải quyết các vấn đề pháp lý.

8) PLO8: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm đối với Tổ quốc và nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá chuyên môn về lĩnh vực pháp luật.

- + PI 8.1: Nhận diện những vấn đề đạo đức, trách nhiệm đối với Tổ quốc và nghề nghiệp trong các hoạt động chuyên môn của lĩnh vực pháp luật.
- + PI 8.2: Đưa ra các nhận định, đánh giá chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật dựa trên bản chất của vấn đề đạo đức, trách nhiệm đối với Tổ quốc, nghề nghiệp cũng như ảnh hưởng của nó.

Mã trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
PO1	x	x	x	x													
PO2					x	x	x	x	x	x	x	x	x				
PO3														x	x		
PO4																x	x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự học]

+ Các phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Luật gồm nhiều hoạt động dạy và học khác nhau nhằm giúp người học không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng áp dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Các phương pháp được sử dụng trong giảng dạy - học tập rất đa dạng như Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tranh biện; Phương pháp tình huống; Phương pháp đóng vai (phiên tòa giả định, hòa giải, đàm phán...); Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp trải nghiệm thực tế; Các phương pháp khác phù hợp với chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

- Dạy học trực tiếp:

Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Thuyết giảng (Lecture) và Tham luận (Guest Lecture).

- Dạy học gián tiếp:

Dạy học gián tiếp là phương pháp dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với người học mà thay vào đó, người học được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Học tập dựa trên tình huống (Case-Based Learning) và Học tập dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning), Câu hỏi gợi mở (Inquiry).

- Học trải nghiệm:

Học trải nghiệm là phương pháp dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Học tập trải nghiệm (Experiential Learning), Thực tập (Internship), Thực tế (Field Trip), Mô phỏng (Simulation), Thực hành (Practice).

- Dạy học tương tác:

Dạy học tương tác là phương pháp dạy học trong đó người học sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn người học từng bước giải quyết vấn đề từ đó giúp người học đạt được mục tiêu dạy học. Người học có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Bài giảng tương tác (Interactive Lecture), Học tập trực tuyến (e-Learning) và Bài tập nhóm (Group Exercise).

- Tự học:

Tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp người học tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp. Phương pháp học theo chiến lược này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment), Học tập tự định hướng (Self-Directed Learning).

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Dạy trực tiếp								
1. Thuyết giảng	x	x	x	x		x	x	x
2. Tham luận	x	x	x	x		x	x	x
II. Dạy gián tiếp								
3. Đóng vai (phiên toà giả định, hoà giải, đàm phán...)		x	x	x	x	x	x	x
4. Giải quyết vấn đề	x	x		x		x	x	x
5. Dạy học theo tình huống	x	x		x		x	x	x
6. Dạy học theo nhóm		x	x	x	x	x	x	x
III. Học trải nghiệm								
7. Thực tập, trải nghiệm thực tế	x	x	x	x		x	x	x
8. Bài tập nhóm		x	x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học tương tác								
9. Thảo luận, tranh biện		x	x	x	x	x	x	x
10. Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x
V. Tự học								
11. Bài tập ở nhà	x	x		x		x	x	x
12. Giải quyết tình huống cho sẵn	x	x		x		x	x	

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật tối thiểu 5 năm 1 lần đáp ứng sự phát triển của ngành Luật và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

+ Có nhiều hình thức, phương pháp giúp đỡ hỗ trợ sinh viên trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

+ Mỗi năm học, khoa xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị nhằm trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên.

+ Hàng năm nhà trường tổ chức các lớp tập huấn cho giảng viên nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của giảng viên trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

* *Thang điểm đánh giá:*

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

* *Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm*

a. Học phần lý thuyết

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần kiểm tra	Hoạt động Kiểm tra	Hình thức kiểm tra	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	CĐR HP (CLOs)
Kiểm tra quá trình (%) (formative assessment) (Tùy học phần có thể lựa chọn phù hợp)	Kiểm tra 1	Được thiết kế đa dạng để có thể đánh giá được mức độ người học đạt được chuẩn	Đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên phụ trách	... %	(không dùng kiểm tra CLO)
	Kiểm tra 2 ...	đầu ra, ví dụ: trắc nghiệm, tự luận, bài tập nhóm,	giảng dạy về nội dung, hình thức trình bày	... %	(không dùng kiểm tra CLO)
	(*) <i>Kiểm tra giữa kỳ (nếu được áp dụng là KT quá trình)</i>	thảo luận nhóm, thực hành, thí nghiệm, tiểu luận....	bài viết/thuyết trình.	... %	CLO 1, 2
Kiểm tra tổng kết (%) (summative assessment) (Tùy học phần)	(*) <i>Kiểm tra giữa kỳ (%) (nếu được áp dụng là KT tổng kết)</i>			... %	CLO 3,4

có thể lựa chọn phù hợp)	Thi cuối kỳ (%)	(thay đổi tùy theo học phần)		... %	CLO2 CLO 3,4
				... %	CLO5

b. Học phần thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần đề án môn học, thực tập nhận thức, thực tập tốt nghiệp: 50% điểm quá trình; 50% điểm báo cáo.

d. Học phần khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước được chia thành 2 loại chính: Đánh giá quá trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Đánh giá quá trình								
1. Đánh giá chuyên cần		x			x		x	x
2. Đánh giá giải bài tập		x		x				x
3. Đánh giá thuyết trình		x	x	x			x	x
4. Đánh giá làm việc nhóm		x	x	x	x			x
5. Đánh giá các bài kiểm tra	x	x		x		x	x	x
6. Đánh giá bài thực hành			x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết								
7. Kiểm tra viết	x	x		x		x	x	x
8. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x		x		x	x	x
9. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x			x	x
10. Đánh giá báo cáo (nội dung và kiểm tra vấn đáp)	x	x		x		x	x	x
11. Đánh giá thuyết trình			x				x	
12. Đánh giá làm việc nhóm								

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
	Bắt buộc
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương	24
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	27
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành	46
II.3. Kiến thức bổ trợ	32
III.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6
Tổng	135

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 10 học phần:

Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại ngữ. Mặt khác, khối kiến thức này cũng giúp người học nâng cao đạo đức cá nhân, có sức khỏe tốt, hiểu và thể hiện trách nhiệm đối với Tổ quốc, nghề nghiệp và cộng đồng, xã hội.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 51 học phần:

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý liên quan đến pháp luật, có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỷ lệ (%)	PLO1		PLO2		PLO3			PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
				1.1.	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	361	24,5																		
1.1.	Khoa học chính trị	13	8,8	L	-	-	-	L	-	-	L	-	-	L	-	-	-	L	-	L	-

1. 2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	8,2	L	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	-	L	-
1. 3.	Ngoại ngữ	7	4,8	-	-	-	-	L	M	M	L	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. 4.	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	2,7	L	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	-	L	-	L	-	L	-
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	75,5																			
2. 1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	27	18,4	-	M	L	-	-	M	-	-	-	-	-	L	-	-	-	L	-	L	-
2. 2.	Kiến thức ngành, chuyên ngành	46	33,3	-	-	-	M	-	M	M	-	M	M	-	M	-	M	-	M	-	M	M
2. 3.	Kiến thức bổ trợ	32	21,8	-	M	-	M	-	H	M	-	H	M	-	-	-	-	M	-	M	-	M
2. 4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	06	4,1	-	-	-	H	-	-	H	-	H	H	-	-	-	-	H	-	H	-	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL					
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				24								
Phần bắt buộc												
I.1. Khoa học chính trị, công nghệ				13								
1	1130299	Triết học Mác-Lê nin	1	3	40		10		95		LLCT, L & QLNN	

2	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6		62	1130299	LLCT, L & QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6		62	1130300	LLCT, L & QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	2	27		6		62	1130301	LLCT, L & QLNN	
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6		62	1130302	LLCT, L & QLNN	
6	1130365	Chính trị học	2	2	30				65		LLCT, L & QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN (12TC)				ĐK								
I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau				3								
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)	1	1	4				30		GDTC-QP	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	2	1	4				30	1120172	GDTC-QP	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	3	1	4				30	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	1	4				30		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	2	1	4				30	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	3	1	4				30	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	1	4				30		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	2	1	4				30	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	3	1	4				30	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	1	1	4				30		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	2	1	4				30	1120181	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)	3	1	4				30	1120182	GDTC-QP	

19	1120184	<i>Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)</i>	1	1	4				30		GDTC-QP	
20	1120185	<i>Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)</i>	2	1	4				30	1120184	GDTC-QP	
21	1120186	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)</i>	3	1	4				30	1120185	GDTC-QP	
22	1120187	<i>Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)</i>	1	1	4				30		GDTC-QP	
23	1120188	<i>Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)</i>	2	1	4				30	1120187	GDTC-QP	
24	1120189	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)</i>	3	1	4				30	1120188	GDTC-QP	
25	1120190	<i>Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)</i>	1	1	4				30		GDTC-QP	
26	1120191	<i>Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)</i>	2	1	4				30	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	<i>Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)</i>	3	1	4				30	1120191	GDTC-QP	
28	1130239	<i>Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 1)</i>	1	1	4						GDTC-QP	
29	1130240	<i>Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 2)</i>	2	1	4							
30	1130241	<i>Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 3)</i>	3	1	4							
I.2.2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh				9								
31	1120168	<i>Giáo dục Quốc phòng-AN 1(*)</i>	2	3	37		8		82		GDTC-QP	
32	1120169	<i>Giáo dục Quốc phòng -AN 2(*)</i>	2	2	22		8		52		GDTC-QP	
33	1120170	<i>Giáo dục Quốc phòng-AN 3(*)</i>	2	2	14				44		GDTC-QP	
34	1120171	<i>Giáo dục Quốc phòng-AN 4(*)</i>	2	2	4				36		GDTC-QP	
I.3. Ngoại ngữ				7								
35	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15			10 0		NN	

36	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20			14 5	1090061	NN	
I.4. KHXH/Toán, KHTN – Môi trường, KH quản lý				4								
37	2030003	Kỹ năng giao tiếp	1	2	18		4	20	53		KHXH-NV	
38	1130033	Logic học	1	2	25		10		60		LLCT, L & QLNN	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				111								
II.1 Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành				27								
II.1.a. Phần bắt buộc				25								
39	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	1	3	24	6	30		85		CNTT	
40	1130371	Triết học pháp luật	5	2	27		6		62		LLCT, L & QLNN	
41	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	2	30				65		LLCT, L & QLNN	
42	1130372	Các học thuyết chính trị - pháp lý	3	2	30				65		LLCT, L & QLNN	
43	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	3	40	2	6		97		LLCT, L & QLNN	
44	1130241	Luật Hiến pháp	2	3	40	2	6		90		LLCT, L & QLNN	
45	1130373	Phương pháp nghiên cứu, lập luận, phản biện pháp lý	4	2	22	8			62		LLCT, L & QLNN	
46	1130366	Nghề luật và đạo đức nghề luật	2	2	27		6		62		LLCT, L & QLNN	
47	1130374	Xây dựng lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	6	2	20	10			65		LLCT, L & QLNN	
48	1130375	Quan hệ kinh tế quốc tế	4	2	27		6		62		LLCT, L & QLNN	

49	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	2	27		6		62	1130241	LLCT, L & QLNN	
<i>II.1.b. Phần tự chọn: 2TC/6TC</i>				2								
50	1100275	Tâm lý học tư pháp	3	2	25	5			65		KHXXH&NV	
51	1100276	Xã hội học pháp luật	3	2	25	5			65		KHXXH&NV	
52	1130021	Kinh tế học	3	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
II.2 Khối kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có) (Cốt lõi ngành)				50								
53	1130376	Luật Hành chính	3	2	22	5	6		62	1130240	LLCT, L & QLNN	
54	1130434	Luật Tổ tụng hành chính	4	2	20	5		10	60	1130376	LLCT, L & QLNN	
55	1130377	Luật phòng, chống tham nhũng	5	2	24	4	4		63	1130240	LLCT, L & QLNN	
56	1130378	Luật Hình sự - Phần chung	3	3	33	9	6		97		LLCT, L & QLNN	
57	1130379	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	4	3	30	12	6		97	1130378	LLCT, L & QLNN	
58	1130380	Tội phạm học	6	2	27		6		62	1130335	LLCT, L & QLNN	
59	1130435	Luật Tổ tụng hình sự	5	3	32	10		6	97	1130479	LLCT, L & QLNN	
60	1130436	Những quy định chung về Luật Dân sự	2	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
61	1130245	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	2	20	7	6		62	1130436	LLCT, L & QLNN	
62	1130261	Luật Hôn nhân và gia đình	5	2	20	7	6		62	1130245	LLCT, L & QLNN	
63	1130342	Luật Đất đai	7	2	25	5			65	1130245	LLCT, L & QLNN	
64	1130437	Pháp luật sở hữu trí tuệ	5	2	25	5			65	1130436	LLCT, L & QLNN	
65	1130438	Luật Tổ tụng dân sự	6	2	20	5		10	60	1130250	LLCT, L & QLNN	

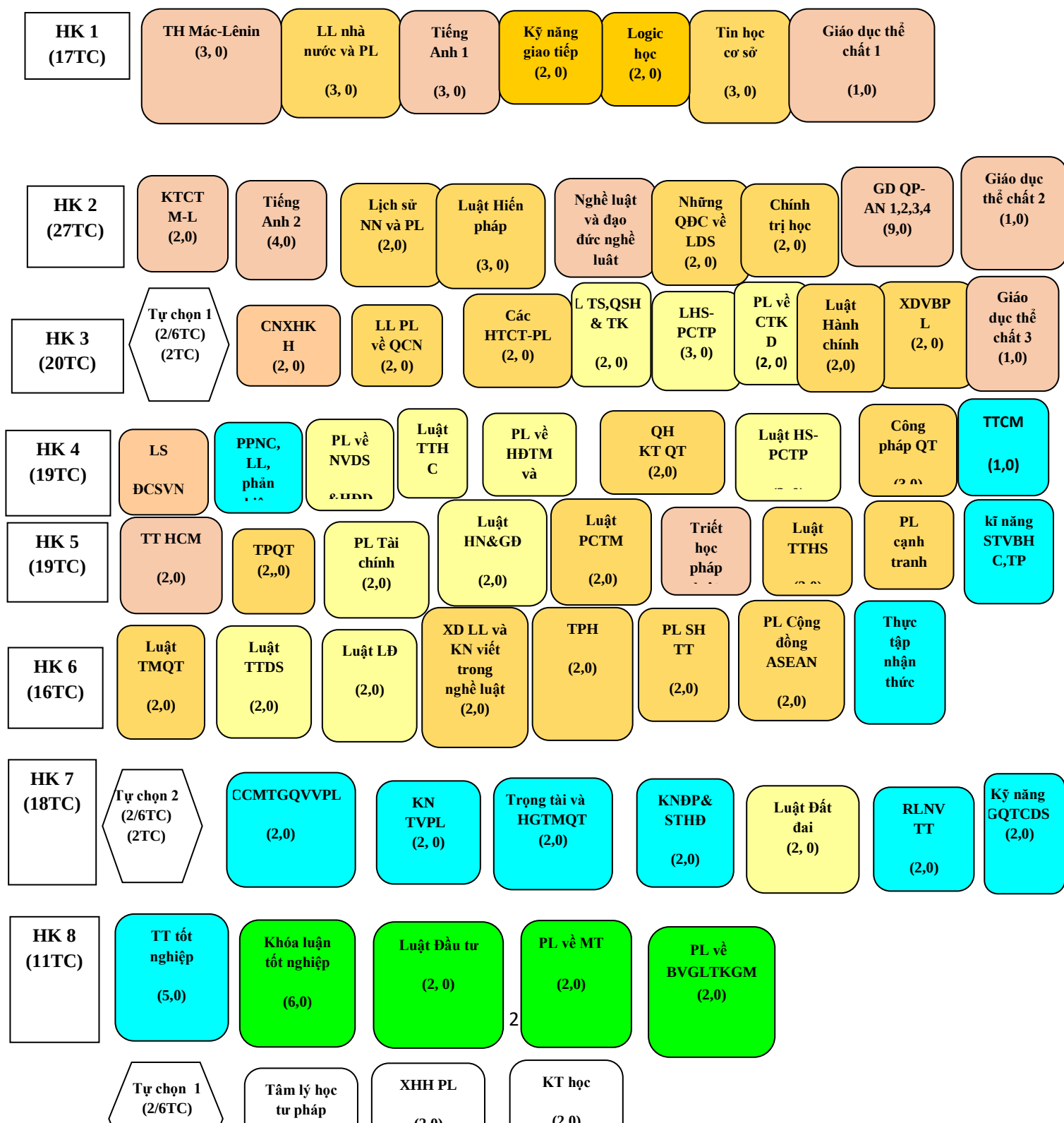
66	1130340	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
67	1130439	Luật Lao động	6	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
68	1130440	Pháp luật tài chính	5	2	25	5			65	1130241	LLCT, L & QLNN	
69	1130256	Công pháp quốc tế	4	3	40	2	6		97		LLCT, L & QLNN	
70	1130262	Tư pháp quốc tế	5	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
71	1130275	Luật thương mại quốc tế	6	2	25	5			65	1130256	LLCT, L & QLNN	
72	1130441	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	6	2	25	3	4		65	1130256	LLCT, L & QLNN	
73	1130383	Xây dựng văn bản pháp luật	3	2	24	6			65		LLCT, L & QLNN	
II.3. Kiến thức bổ trợ				32								
<i>II.3.1. Phần bắt buộc</i>				20								
74	1130250	Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	4	2	20	7	6		62	1130245	LLCT, L & QLNN	
75	1130381	Pháp luật về hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	4	2	25	5			65	1130340	LLCT, L & QLNN	
76	1130444	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, tư pháp	5	2	20	5		10	60		LLCT, L & QLNN	
77	1130445	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	2	20	5		10	60	1130250 1130281	LLCT, L & QLNN	
78	1130446	Rèn luyện nghiệp vụ tổ tụng	7	2	20	5		10	60	1130434 1130438 1130435	LLCT, L & QLNN	
79	1130447	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	7	2	20	5		10	60	1130261	LLCT, L & QLNN	

80	1130386	Chứng cứ chứng minh trong giải quyết vụ việc pháp luật	7	2	20	5		10	60	1130434 1130438 1130435	LLCT, L & QLNN	
81	1130448	Kỹ năng tư vấn pháp luật	7	2	20	5		10	60	1130261 1130381 1130381	LLCT, L & QLNN	
82	1130387	Trọng tài và hòa giải thương mại quốc tế	7	2	20	5		10	60	1130381		
83	1130382	Pháp luật cạnh tranh	6	2	22	5	6		62	1130340	LLCT, L & QLNN	
<i>II.3.2. Phần tự chọn: 4TC/8TC</i>				4								
84	1130384	Pháp luật an sinh xã hội	7	2	25	5			65	1130439	LLCT, L & QLNN	
85	1130443	Pháp luật về du lịch	7	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
86	1130277	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
87	1130385	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	7	2	25	5			65		LLCT, L & QLNN	
<i>II.3.3. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</i>				8								
88	1130272	Thực tế chuyên môn	4	1				TT	45		LLCT, L & QLNN	
89	1130388	Thực tập nhận thức	6	2				TT	60	1130444	LLCT, L & QLNN	
90	1130283	Thực tập tốt nghiệp	8	5				TT	90	1130354	LLCT, L & QLNN	
III.2. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				6								
91	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	8	6				KL	180		LLCT, L & QLNN	
	Học phần thay thế		8	6								
92	1130389	Luật Đầu tư	8	2	22	5	6		62	1130381	LLCT, L & QLNN	
93	1130390	Pháp luật về môi trường	8	2	22	5	6		62	1130250	LLCT, L & QLNN	

94	1130391	Pháp luật về bảo vệ dữ liệu trên không gian mạng	8	2	22	5	6		62	1130339	LLCT, L & QLNN	
Tổng cộng				135								

Ghi chú: (*) – Học phân điều kiện

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	▼	Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành	▼	Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

* **Ghi chú:** X: tham gia trực tiếp, Y: tham gia gián tiếp; L, M, H: mức độ đóng góp đối với PLO ; A: Học phần đánh giá (Assessment) đối với chỉ báo của PLO.

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO 8	
							1.1.	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
1	1130299	Triết học Mác-Lê nin	Kỳ 1	Đại cương	3	Bắt buộc	X,L											Y,L				Y,L	
2	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	Kỳ 1	Cơ sở ngành và khối ngành	3	Bắt buộc					Y,L		X,L							Y,L			
3	1090061	Tiếng Anh 1	Kỳ 1	Đại cương	3	Bắt buộc					X,L					X,L				Y,L			
4	2030003	Kỹ năng giao tiếp	Kỳ 1	Đại cương	2	Bắt buộc					X,L	X,L				Y,L							
5	1130033	Logic học	Kỳ 1	Đại cương	2	Bắt buộc	X,L											X,L				Y,L	
6	1130240	Lý luận nhà nước và pháp luật	Kỳ 1	Cơ sở ngành và khối ngành	3	Bắt buộc	Y,L		X,L													X,L	
7	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Kỳ 2	Đại cương	2	Bắt buộc	X,L													Y,L		X,L	

8	1130365	Chính trị học	Kỳ 2	Đại cương	2	Bắt buộc	X,L				Y,L										X,L	
9	1090166	Tiếng Anh 2	Kỳ 2	Đại cương	4	Bắt buộc					X,L		X,L						Y,L			
10	1130246	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Kỳ 2	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc	Y,L		X,L												X,L	
11	1130241	Luật Hiến pháp	Kỳ 2	Cơ sở ngành và khối ngành	3	Bắt buộc			X,L			Y, M				X,L					Y,L	
12	1130366	Nghề luật và đạo đức nghề luật	Kỳ 2	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc	Y,L											Y,L				X, M, A
13	1130436	Những quy định chung về Luật Dân sự	Kỳ 2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc			X,L				Y,L			X,L						
14	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Kỳ 3	Đại cương	2	Bắt buộc	X,L														X,L	Y, M
15	1130372	Các học thuyết chính trị - pháp lý	Kỳ 3	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc	X,L		X,L									Y,L			Y,L	
16, 17		Chọn 02 trong 03 học phần	Kỳ 3	Cơ sở ngành và khối ngành	4	Tự chọn																

	1100275	Tâm lý học tư pháp	Kỳ 3	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Tự chọn	X,L					Y,L					X, M						
	1100276	Xã hội học pháp luật	Kỳ 3	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Tự chọn	X,L					X,L								Y,L			
	1130021	Kinh tế học	Kỳ 3	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Tự chọn		X,L													Y,L		
18	1130339	Lý luận và pháp luật về quyền con người	Kỳ 3	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc		Y, M		X, M									Y,L				
19	1130376	Luật Hành chính	Kỳ 3	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				X, M			Y,L						Y,L				
20	1130378	Luật Hình sự - Phần chung	Kỳ 3	Kiến thức ngành, chuyên ngành	3	Bắt buộc			X,L		X,L				Y,L				Y,L				
21	1130245	Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	Kỳ 3	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc		Y, M		X, M			Y,L			X, M							
22	1130340	Pháp luật về	Kỳ 3	Kiến	2	Bắt				X,							X,L				Y,L		

		chủ thể kinh doanh		thức ngành, chuyên ngành		buộc				M													
23	1130383	Xây dựng văn bản pháp luật	Kỳ 3	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc					Y, M		Y, M	X, M						X, M			
24	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Kỳ 4	Đại cương	2	Bắt buộc	X,L													X,L	Y, M		
25	1130373	Phương pháp nghiên cứu, lập luận, phân biện pháp lý	Kỳ 4	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc			Y,L		X,L							X, M	Y,L				
26	1130375	Quan hệ kinh tế quốc tế	Kỳ 4	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc	X,L					Y,L										Y, M	
27	1130434	Luật Tổ tụng hành chính	Kỳ 4	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc					Y, M					X, M		X, M	Y,L				
28	1130379	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	Kỳ 4	Kiến thức ngành, chuyên ngành	3	Bắt buộc				Y, M						X, M	Y,L		X,M				
29	1130250	Pháp luật về nghĩa vụ dân	Kỳ 4	Kiến thức bổ	2	Bắt buộc				X, M						Y, M				X, M			

		sự và hợp đồng dân sự		trợ																			
30	1130381	Pháp luật về hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	Kỳ 4	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc			X, M	X, M			Y, M							Y,M			
31	1130256	Công pháp quốc tế	Kỳ 4	Kiến thức ngành, chuyên ngành	3	Bắt buộc				X, M		Y, M	Y, M										X, M
32	1130272	Thực tế chuyên môn	Kỳ 4	Kiến thức bổ trợ	1	Bắt buộc		X, M		Y, M		X, M								Y, M			
33	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỳ 5	Đại cương	2	Bắt buộc	X,L																Y, M
34	1130371	Triết học pháp luật	Kỳ 5	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc		X, M					Y,L							Y, M			X, M
35	1130377	Luật phòng, chống tham nhũng	Kỳ 5	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				Y, M						X, M				Y, M			X, M
36	1130435	Luật Tổ tụng hình sự	Kỳ 5	Kiến thức ngành, chuyên	3	Bắt buộc				Y, M		X, M		Y, M					X, M				

				ngành																			
37	1130261	Luật Hôn nhân và gia đình	Kỳ 5	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				Y, M							X, M, A	Y, M			X, M, A		
38	1130440	Pháp luật tài chính	Kỳ 5	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc	Y, L			X, M			X, M								Y, M		
39	1130437	Pháp luật sở hữu trí tuệ	Kỳ 5	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				X, M			Y, M								X, M		Y, M
40	1130262	Tư pháp quốc tế	Kỳ 5	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				X, M		X, M	Y, M						Y, L				
41	1130444	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, tư pháp	Kỳ 5	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc					Y, M			X, M			Y, L				X, M		
42	1130374	Xây dựng lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	Kỳ 6	Cơ sở ngành và khối ngành	2	Bắt buộc				Y, M				X, H, A				X, H, A					Y, M
43	1130380	Tội phạm học	Kỳ 6	Kiến thức	2	Bắt buộc		Y, M					X, M,								X, M,		Y, M

				ngành, chuyên ngành									A							A		
44	1130382	Pháp luật cạnh tranh	Kỳ 6	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc		X, M				Y, M		Y, M						X, M		
45	1130438	Luật Tố tụng dân sự	Kỳ 6	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				Y, M		X, M					X, M			Y, M		
46	1130439	Luật Lao động	Kỳ 6	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				X, M							Y, M			X, M		
47	1130275	Luật thương mại quốc tế	Kỳ 6	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				Y, M				X, M				Y, M		X, M		
48	1130441	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	Kỳ 6	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc				X, M				Y, M			Y, L					X, M
49		Thực tập nhận thức	Kỳ 6	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc		Y, M		Y, M					X, M					X, M		Y, M
50	1130445	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc						X, H, A		Y, M	X, H, A					Y, M		

51	1130386	Chứng cứ chứng minh trong giải quyết vụ việc pháp luật	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	3	Bắt buộc	Y,L						X, M, A					X, M, A		Y, M		
52	1130448	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc			Y,H		X,H, A			X,H, A								Y, H
53	1130387	Trọng tài và hòa giải thương mại quốc tế	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc		X,H, A	Y,H							X, H, A						Y, M
54	1130342	Luật Đất đai	Kỳ 7	Kiến thức ngành, chuyên ngành	2	Bắt buộc			X, M, A									Y, M		Y, M		X, H, A
55	1130446	Rèn luyện nghiệp vụ tố tụng	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc			Y,H					Y, M		X, H, A		X, H, A				
56	1130447	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc		X,H, A			Y,H							Y, H				X, H, A
57, 58		Chọn 02 trong 04 học phần	Kỳ 7	Kiến thức ngành, chuyên ngành	4	Bắt buộc																
	1130384	Pháp luật an sinh xã hội	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Tự chọn			X,M				X,M	Y,M								Y, M
	1130443	Pháp luật về	Kỳ 7	Kiến	2	Tự			X,M				X,M	Y,M								Y,

		<i>du lịch</i>		<i>thức bổ trợ</i>		<i>chọn</i>																	<i>M</i>
	1130277	<i>Pháp luật về kinh doanh bất động sản</i>	Kỳ 7	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	2	<i>Tự chọn</i>				X,M				X,M	Y,M								Y, M
	1130385	<i>Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>	Kỳ 7	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	2	<i>Tự chọn</i>		Y,M		X,M						X, M,							Y, M
59	1130283	Thực tập tốt nghiệp	Kỳ 8	Kiến thức bổ trợ	5	Bắt buộc				X,H ,A		X,H			X,H ,A				X, H, A		Y,H		X, M
60	1130359	Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 8	Khóa luận tốt nghiệp	6	Bắt buộc		X,H ,A		X,H ,A		X,H ,A		X,H	X,H ,A				X, H, A		X,H		X, H
61		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 8	Học phần thay thế	6	Bắt buộc																	
	1130389	<i>Luật Đầu tư</i>	Kỳ 8	<i>Học phần thay thế</i>	2	<i>Bắt buộc</i>					Y,H						X, H, A		X, H, A				Y, H
	1130390	<i>Pháp luật về môi trường</i>	Kỳ 8	<i>Học phần thay thế</i>	2	<i>Tự chọn</i>				Y,H	Y,H						X, H, A		X, H, A				
	1130391	<i>Pháp luật về bảo vệ dữ liệu trên không gian mạng</i>	Kỳ 8	<i>Học phần thay thế</i>	2	<i>Tự chọn</i>				Y,H				X,H ,A			X, H, A						Y, H

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác – Lênin], [2 TC]

Là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 1 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học để học tập các học phần tiếp theo cũng như định hướng cho hoạt động thực tiễn. Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về triết học và triết học Mác – Lênin như giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành và phát triển; những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin... Đặc biệt là trang bị kiến thức về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2.6.2. [1050241], [Tin học cơ sở], [3TC]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của ngành học, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

2.6.3. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3TC]

Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ và được giảng dạy ở học kỳ 1 của năm thứ nhất. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những khía cạnh văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề *giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và xa nhà*. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp và văn hóa đã học vào thực hành các kỹ năng *nghe, nói, đọc và viết* ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần *Kỹ năng giao tiếp*.

2.6.4. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2TC]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp như khái niệm, chức năng, nguyên tắc và quá trình giao tiếp, từ đó giúp người học vận dụng linh hoạt, hiệu quả kiến thức vào học tập và thực tiễn cuộc sống. Học phần kết hợp lý thuyết với thực hành rèn luyện cho người học những kỹ năng giao tiếp cơ bản nhằm phát triển năng lực giao tiếp hiệu quả, kỹ năng phản biện, làm việc nhóm và thích ứng trong môi trường kỹ thuật số hiện đại.

2.6.5. [1130033], [Logic học], [2TC]

Môn học được trình bày tập trung trong 6 chương, cung cấp một số kiến thức logic căn bản, là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt chẽ, biết phát hiện những đúng, sai, ngụy biện ... trong lập luận của người khác. Môn học nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương.

2.6.6. [1130240], [Lý luận nhà nước và pháp luật], [3 TC]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 1, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền tảng

nhà nước và pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mac – Lênin, lý giải các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước và pháp luật; cơ chế điều chỉnh của pháp luật. Những kiến thức được cung cấp trong học phần là cơ sở để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về chuyên đề cụ thể ở các học phần bắt buộc và tự chọn tiếp theo.

2.6.7. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác – Lênin], [2 TC]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 bàn về những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.8. [Chính trị học], [2 tín chỉ]

Học phần Chính trị học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 2 trong Chương trình đào tạo ngành Luật hệ đại học chính quy. Học phần bao gồm 8 chương, cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của chính trị học: quyền lực và quyền lực chính trị; hệ thống chính trị; đảng chính trị; nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội; văn hóa chính trị; con người chính trị.

2.6.9. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4TC]

Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ và được giảng dạy ở học kỳ hai, năm thứ nhất. Học phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong học phần *Tiếng Anh 1* và những khía cạnh văn hóa Anh về các chủ đề *hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách*. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức ngữ pháp và văn hóa Anh đã học vào thực hành *nghe, nói, đọc và viết* ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần *Kỹ năng giao tiếp*.

2.6.10. [1130246], [Lịch sử nhà nước và pháp luật], [3TC]

Môn học gồm có 2 phần, 8 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Lịch sử Nhà nước và Pháp luật; về bối cảnh lịch sử, quá trình ra đời, hình thành, phát triển hoạt động, phát huy hiệu lực của nhà nước và những đặc trưng, quy luật ra đời, hình thành, phát triển của các nhà nước và pháp luật trong lịch sử (lịch sử nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản; nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa). Đồng thời, môn học cung cấp cho người học tri thức về quá trình ra đời Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam; Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt; Nhà nước và pháp luật thời kỳ thuộc Pháp; Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

2.6.11. [1130241], [Luật Hiến pháp], [3TC]

Học phần Luật Hiến pháp là học phần thuộc thành phần cơ sở khối ngành, góp phần bổ

trợ cho những học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ; quy định của Hiến pháp hiện hành về các vấn đề như chế độ chính trị, quyền con người, quyền công dân, các cơ quan trong bộ máy nhà nước... Từ đó trang bị các kiến thức nền tảng giúp cho người học lĩnh hội được các môn học chuyên ngành khác.

2.6.12. [1130366], [Nghề luật và đạo đức nghề luật], [2 tín chỉ]

Học phần Nghề luật và đạo đức nghề luật là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành của ngành Luật. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nghề luật và các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những người hành nghề luật, mà trọng tâm là luật sư và thẩm phán và kiểm sát viên. Qua đó giúp sinh viên có được kiến thức bổ trợ cần thiết để có thái độ đúng đắn khi tiếp cận nghiên cứu các ngành khoa học luật và hành nghề luật trong tương lai.

2.6.13. [1130436], [Những quy định chung về Luật dân sự], [2TC]

Học phần “Những quy định chung về Luật dân sự” là học phần học phần đầu tiên thuộc chuyên ngành luật dân sự, một trong 4 lĩnh vực pháp luật trụ cột, nền tảng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Nội dung của học phần này bao gồm khái niệm luật dân sự, đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, nguồn của luật dân sự, vị trí của luật dân sự trong hệ thống pháp luật, các vấn đề pháp lý dân sự của cá nhân, pháp nhân với tư cách là chủ thể của luật dân sự, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện.

2.6.14. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2 TC]

Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 7 chương, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cơ bản cho người học như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình... trong TKQĐ lên CNXH.

2.6.15. [1130372], [Các học thuyết Chính trị - Pháp lý], [2TC]

Môn Các học thuyết chính trị - pháp lý là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 5 chương, trang bị hệ thống kiến thức chính trị - pháp lý trong lịch sử nhân loại như tư tưởng chính trị - pháp lý ở Hy Lạp, La Mã, Trung Quốc cổ đại; tư tưởng chính trị - pháp lý thời kỳ phong kiến; các học thuyết chính trị - pháp lý thời cách mạng tư sản với các đại biểu như John Locke, Montesquieu, T. Jefferson, Hamilton... Học phần cũng tập trung nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật kiểu mới.

2.6.16,17. [1100275], [Tâm lý học tư pháp], [2TC]

Tâm lý học tư pháp là ngành tâm lý học chuyên biệt chuyên nghiên cứu các kiến thức về tâm lý trong các lĩnh vực hoạt động do pháp luật điều chỉnh. Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành dành cho sinh viên ngành Luật. Tâm lý học tư pháp cung cấp một số phạm trù cơ bản của tâm lý học, làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu vào lĩnh vực tư pháp; đồng thời chú trọng đến mặt tâm lý trong lĩnh vực tư pháp, đặc điểm tâm lý của các chủ thể tham gia hoạt động tư pháp, cấu trúc tâm lý của các hoạt

động tư pháp cụ thể (điều tra, xét xử, cải tạo) và những vấn đề cơ bản trong cấu trúc tâm lý của hành vi phạm tội.

2.6.16,17. [1100276] [Xã hội học pháp luật], [2TC]

Xã hội học pháp luật là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học Luật. Học phần đề cập đến các nội dung về khái niệm, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học pháp luật; phương pháp điều tra xã hội học pháp luật; mối liên hệ giữa pháp luật và cơ cấu xã hội; những hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật...nhằm trang bị cho người học những kiến thức căn bản và kỹ năng cần thiết để nhìn nhận các hiện tượng, sự kiện pháp luật xảy ra trong đời sống xã hội dưới góc nhìn xã hội học; áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học vào vấn đề pháp luật và xã hội.

2.6.16,17. [1130021] [Kinh tế học], [2TC]

Môn Kinh tế học là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong chương trình đào tạo. Học phần có nội dung gồm 9 chương, trang bị cho người học những nội dung cơ bản của kinh tế học vi mô như: lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu, cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ, lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; vai trò của Chính phủ trong điều tiết kinh tế; và những nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ mô như: Tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế và mục tiêu, chính sách kinh tế vĩ mô; đo lường sản lượng quốc gia (GDP); các phạm trù thất nghiệp, lạm phát và mối quan hệ của chúng.

2.6.18. [1130339], [Lý luận và pháp luật về quyền con người], [2TC]

Học phần Lý luận và pháp luật về quyền con người là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành của ngành Luật, góp phần bổ trợ cho những học phần thuộc kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về quyền con người; lịch sử tư tưởng về quyền con người; quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người. Từ đó giúp người học nhận thức được quyền và nghĩa vụ của một con người – một công dân trong thời đại mới.

2.6.19. [1130376], [Luật Hành chính], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 3, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ quan hành chính nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về quy chế pháp lý của các tổ chức xã hội, công dân và người nước ngoài; thủ tục hành chính; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của cơ quan hành chính, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức xã hội, công dân, người nước ngoài với hoạt động quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là thủ tục xử lý vi phạm hành chính, từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

2.6.20. [1130378], [Luật Hình sự - Phần chung], [3TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 3, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên ngành về những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự. Nội dung cụ thể bao gồm các chế định pháp luật như: tội phạm, cấu thành tội phạm, đồng phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định hình phạt,

các trường hợp miễn, giảm trách nhiệm hình sự.

2.6.21. [1130245], [Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 3, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức khoa học pháp lý và pháp luật thực định của Việt Nam về tài sản, các quyền đối với tài sản như quyền sở hữu, quyền đối với bất động sản liền kề, quyền hưởng dụng, quyền bề mặt, quyền thừa kế tài sản, các phương thức bảo vệ quyền sở hữu tài sản theo pháp luật Việt Nam.

2.6.22. [1130340], [Pháp luật về chủ thể kinh doanh], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 3, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết pháp luật về điều kiện thành lập, cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại và chấm dứt hoạt động các chủ thể kinh doanh. Nội dung cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các cá nhân kinh doanh nhỏ khác; pháp luật về giải thể và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2.6.23. [1130383], [Xây dựng văn bản pháp luật], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 3, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản quy phạm pháp luật pháp luật, quy trình soạn thảo cũng như thể thức của từng loại văn bản quy phạm pháp luật. Thông qua học phần, người học được trang bị kỹ năng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng thu thập và xử lý số liệu liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật và các kỹ năng trình bày ý tưởng, giao tiếp. Từ đó giúp người học có ý thức tự học, tự nghiên cứu kiến thức để áp dụng giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật.

2.6.24. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [2 TC]

Học phần thuộc học kỳ 4, là học phần bắt buộc trong chương trình học. Học phần góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn, nắm bắt được đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay).

2.6.25. [1130373], [Phương pháp nghiên cứu, lập luận, phản biện pháp lý]

Học phần Phương pháp nghiên cứu, lập luận, phản biện được triển khai giảng dạy vào học kỳ 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần nhằm trang bị cho người học các kỹ năng nghiên cứu, tư duy và ngôn ngữ như: kỹ năng nghiên cứu khoa học pháp lý, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện, qua đó giúp người học biết nghĩ một cách sâu sắc, viết một cách chính xác, nói một cách thuyết phục. Đây là những kỹ năng rất cần thiết để đem lại cho mỗi người sự thành công trong công việc học tập, nghiên cứu, cũng như các hoạt động giao tiếp xã hội và các ngành nghề chuyên môn đặc thù, nhất là đối với nghề Luật.

2.6.26. [1130375], [Quan hệ kinh tế quốc tế] [2 tín chỉ]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương giới thiệu tổng quan về quan hệ kinh tế quốc tế, trong đó chỉ rõ mối liên hệ mật thiết với thuật ngữ nền kinh tế thế giới; chỉ ra một số xu thế phát triển chủ yếu của quan hệ kinh tế quốc tế trong thời gian tới và đặc biệt đề cập đến vấn đề lựa chọn chiến lược kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Chương 2 đề cập đến một số học thuyết về thương mại quốc tế, thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế của một quốc gia và các công cụ chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế. Chương 3 tập trung làm rõ khái niệm, nguyên nhân của đầu tư quốc tế, chính sách đầu tư quốc tế, xu hướng trong đầu tư quốc tế và các loại hình đầu tư quốc tế. Chương 4 đề cập di chuyển quốc tế về lao động như: Khái niệm, các hình thức, các khung lý thuyết về di chuyển lao động quốc tế và thực trạng di chuyển quốc tế về lao động những năm đầu thế kỷ XXI và di chuyển lao động trong khuôn khổ ASEAN. Chương này giúp người đọc hiểu được những vấn đề cơ bản về thị trường ngoại hối như khái niệm, đặc điểm, chức năng, các chủ thể tham gia thị trường, các nghiệp vụ giao dịch trên thị trường ngoại hối. Đồng thời, cung cấp cho người đọc những kiến thức về tỉ giá hối đoái, các nhân tố ảnh hưởng và chính sách điều chỉnh tỉ giá. Ngoài ra, trong Chương 5 đề cập những vấn đề cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế, các hệ thống tiền tệ quốc tế với các hình thái tiền tệ quốc tế từ cổ điển đến hiện đại, nhận biết được sự phát triển của tiền tệ. Chương 6 đề cập đến nội dung cơ bản về tác động của hội nhập kinh tế quốc tế, các loại hình hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia, giới thiệu về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.27. [1130434], [Luật Tổ tụng hành chính], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 4, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về chủ thể tiến hành tổ tụng hành chính, người tham gia tổ tụng hành chính, thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên hiểu về vai trò, thẩm quyền, các hoạt động của các chủ thể tổ tụng hành chính, các hoạt động tổ tụng diễn ra trong vụ án hành chính, là cơ sở để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về các chuyên đề cụ thể ở các học phần bắt buộc và tự chọn tiếp theo.

2.6.28. [1130379], [Luật Hình sự - Phần các tội phạm], [3TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 4, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên ngành về dấu hiệu pháp lý của các tội phạm cụ thể theo quy định của Luật hình sự, áp dụng dấu hiệu pháp lý đó vào từng tình huống cụ thể để định tội danh đối với những hành vi phạm tội khác nhau. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cách thức, định hướng nghiên cứu đối với tập thể và cá nhân trong việc tìm kiếm tài liệu liên quan đến các dấu hiệu pháp lý của tội phạm để có thể vận dụng định tội danh được chính xác.

2.6.29. [1130250], [Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 3, thuộc khối kiến thức bổ trợ, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức khoa học pháp lý và pháp luật thực định của Việt Nam về nghĩa vụ dân sự và

hợp đồng dân sự. Phần kiến thức khoa học pháp lý về nghĩa vụ cung cấp các kiến thức khoa học pháp lý về như khái niệm, đặc điểm của nghĩa vụ, phân loại nghĩa vụ; phần kiến thức pháp luật thực định về nghĩa vụ phân tích các căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ, chuyển giao nghĩa vụ, thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm trách nhiệm nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý do vi phạm nghĩa vụ. Phần kiến thức khoa học pháp lý về hợp đồng trang bị các kiến thức lý luận như khái niệm, đặc điểm của hợp đồng, phân loại hợp đồng, giao kết hợp đồng; phần kiến thức pháp luật thực định của Việt Nam về hợp đồng cung cấp các quy định pháp luật để xác định hiệu lực pháp lý về hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể trong từng loại hợp đồng.

2.6.30 [1130381], [Pháp luật về hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh], [2 TC]

Học phần “Pháp luật về hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của pháp luật hợp đồng thương mại Việt Nam, bao gồm những nội dung: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hợp đồng thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại; các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh hiện nay. Thông qua việc nghiên cứu học phần giúp người học hiểu ý nghĩa, mục đích của của các quy phạm pháp luật, đồng thời tạo cơ hội cho người học rèn luyện kỹ năng áp dụng pháp luật và thực hành nghề luật trong lĩnh vực thương mại.

2.6.31. [1130256], [Công pháp quốc tế], [3 TC]

Học phần Công pháp quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống luật quốc tế như khái niệm, đặc điểm, vai trò, mối quan hệ của Luật quốc tế với luật quốc gia; những nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; chủ thể Luật quốc tế; Luật điều ước quốc tế; biên giới, lãnh thổ quốc gia; dân cư trong Luật quốc tế; Luật ngoại giao, lãnh sự; Luật về các tổ chức quốc tế; Luật biển quốc tế; Luật hàng không; giải quyết tranh chấp; trách nhiệm pháp lý quốc tế.

2.6.32. [1130272], [Thực tế chuyên môn], [1TC]

- Thực tế chuyên môn là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ đối với sinh viên Luật. Thông qua học phần này sinh viên có điều kiện trải nghiệm thực tế các kiến thức lý thuyết theo phương châm: "Học đi đôi với hành" "Lý luận gắn liền với thực tiễn", đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên trước khi ra trường.

- Trong quá trình đi thực tế, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu, phân tích thực trạng các hoạt động thực hành nghề Luật ở các điểm thực tế. Trên cơ sở đó, đối chiếu lý luận với thực tiễn để hoàn thiện và nâng cao một bước về nhận thức lý luận và thực hành nghề nghiệp vụ nghề Luật đã được đào tạo. Thông qua các hoạt động thực tế chuyên môn, giúp sinh viên Luật nắm bắt được một số kỹ năng hành nghề và nuôi dưỡng hoài bão lập thân, lập nghiệp, thành danh sau khi tốt nghiệp.

2.6.33. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2 TC]

Học phần thuộc học kỳ 5, là học phần bắt buộc trong chương trình học, thuộc thành

phần giáo dục đại cương. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.34. [1130371], [Triết học pháp luật], [2 tín chỉ]

Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về bản chất, nguồn gốc và mục đích của pháp luật, thông qua việc tìm hiểu các trường phái tư tưởng pháp lý tiêu biểu như: thuyết pháp luật tự nhiên, thuyết pháp luật thực chứng và thuyết pháp quyền. Bên cạnh đó, học phần phân tích mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức; các khái niệm trọng yếu như công lý, quyền và nghĩa vụ; cũng như cơ sở chính đáng của hệ thống pháp luật. Thông qua việc tiếp cận pháp luật dưới góc nhìn triết học, người học được rèn luyện tư duy phản biện, năng lực lý luận và hình thành thái độ học thuật nghiêm túc, làm nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu và hành nghề trong lĩnh vực pháp lý.

2.6.35. [1130377], [Luật phòng chống tham nhũng], [2TC]

Học phần Luật phòng, chống tham nhũng là học phần thuộc khối kiến thức ngành của ngành Luật. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tham nhũng, những biện pháp phòng, chống tham nhũng và cách thức xử lý hành vi tham nhũng. Từ đó giúp người học có khả năng nhận biết hành vi tham nhũng và tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

2.6.36. [1130435], [Luật Tố tụng hình sự], [3TC]

Học phần Luật Tố tụng hình sự là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở kì 5 năm thứ 3. Học phần tập trung vào các quy định, nguyên tắc và quy trình pháp lý liên quan đến việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án trong các vụ án hình sự. Mục đích chính của học phần là giúp sinh viên hiểu rõ cách thức hoạt động của hệ thống tư pháp hình sự, từ khi một tội phạm được phát hiện cho đến khi bản án được thực thi.

2.6.37. [1130261], [Luật hôn nhân và gia đình], [2TC]

Học phần “Luật hôn nhân và gia đình” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, là môn khoa học pháp lý ngành nghiên cứu về các vấn đề lý luận cơ bản và các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình. Học phần này gồm 2 phần chính. Một là, phần lý luận giới thiệu các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử, các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân và gia đình, khái niệm luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình. Hai là phần các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn, về kết hôn trái pháp luật và hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ vợ chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

2.6.38. [1130440], [Pháp luật tài chính], [3TC]

Học phần “Pháp luật tài chính” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, được giảng dạy ở kì 5 năm thứ 3. Học phần này cung cấp cho người học những các kiến thức về luật ngân sách nhà nước và pháp luật thuế. Gồm hai nội dung chính:

- Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước; các hoạt động lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; quản lý quỹ ngân sách nhà nước; xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước;
- Lý luận chung về thuế và pháp luật Việt Nam; pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ; pháp luật thuế thu vào thu nhập; pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản nhà nước; pháp luật về quản lý thuế.

2.6.39. [1130437], [Pháp luật sở hữu trí tuệ], [2TC]

Học phần Pháp luật sở hữu trí tuệ là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần Pháp luật sở hữu trí tuệ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến quyền tác giả và quyền có liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng và các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Học phần giúp cho sinh viên bước đầu có khả năng xử lý các tình huống liên quan đến sở hữu trí tuệ xảy ra trong thực tế.

2.6.40. [1130262], [Tư pháp quốc tế], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 5, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết pháp luật về xung đột pháp luật, xung đột thẩm quyền xét xử, công nhận và cho thi hành án trong Tư pháp quốc tế.

2.6.41. [1130444], [Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, tư pháp], [2TC]

Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, tư pháp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo. Cấu trúc học phần gồm có 05 chương, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn trong việc soạn thảo các loại văn bản hành chính, văn bản tư pháp. Nội dung bao quát các quy định pháp luật về công tác văn thư, yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản. Học phần sử dụng phương pháp giảng dạy kết hợp giữa phân tích lý thuyết, nghiên cứu văn bản thực tế, các bài tập và thực hành soạn thảo. Qua đó, giúp người học rèn luyện tư duy pháp lý, kỹ năng chuyên môn vững vàng; thái độ cẩn trọng, chuyên nghiệp trong công tác soạn thảo văn bản hành chính, văn bản tư pháp; đảm bảo năng lực nghề nghiệp toàn diện.

2.6.42. [1130374], [Xây dựng lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật], [2 tín chỉ]

Học phần này trang bị cho sinh viên luật những kỹ năng nền tảng về lập luận pháp lý và kỹ năng viết pháp lý – hai năng lực cốt lõi trong học thuật và hành nghề pháp luật. Sinh viên sẽ học cách phân tích vấn đề pháp lý, xây dựng lập luận thuyết phục và trình bày nội dung pháp lý một cách rõ ràng, logic qua văn bản.

Học phần tập trung phát triển tư duy phản biện và tư duy logic thông qua phân tích án lệ, diễn giải pháp luật và xây dựng hệ thống lập luận. Đồng thời, sinh viên sẽ thực hành soạn thảo các văn bản pháp lý cơ bản như: tóm tắt án lệ, bản ghi nhớ pháp lý, thư tư vấn và một số đơn từ cơ bản.

Thông qua các buổi giảng tương tác, các buổi thực hành viết và các bài tập ứng dụng, học phần hướng tới việc rèn luyện tính chính xác, rõ ràng và sức thuyết phục trong văn bản pháp lý, đồng thời nâng cao năng lực tư duy như một luật sư chuyên nghiệp.

2.6.43. [1130380], [Tội phạm học], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 6, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh, phát triển tình hình tội phạm cũng như các loại tội phạm cụ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế của một hành vi phạm tội, từ đó nhận diện và đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Học phần trang bị cho người học kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu, kỹ năng tìm kiếm thông tin để giải quyết các vấn đề liên quan đến Tội phạm học trên cơ sở đưa ra các nhận định, đánh giá một cách có đạo đức, trách nhiệm với Nhà nước, xã hội.

2.6.44. [1130382], [Pháp luật cạnh tranh], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 6, thuộc khối kiến thức bổ trợ, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần giúp người học hiểu và nắm vững quy định pháp luật về cạnh tranh như kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và những quy định pháp luật về tố tụng cạnh tranh. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học có khả năng vận dụng các kiến thức chính trị, kinh tế, pháp luật để phân tích, tổng hợp, đánh giá những chính sách, pháp luật về cạnh tranh, xác định hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh, chỉ ra nguyên nhân và đề xuất hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

2.6.45. [1130438], [Luật tố tụng dân sự], [2TC]

Học phần “Luật Tố tụng dân sự” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật. Học phần này cung cấp những kiến thức khoa học pháp lý về tố tụng dân sự như khái niệm tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự, quan hệ tố tụng dân sự; thẩm quyền của tòa án trong giải quyết các vụ việc dân sự; trình tự tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể trong quá trình tố tụng, các biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng trong thủ tục tố tụng dân sự.

2.6.46. [1130439], [Luật Lao động], [2TC]

Học phần “Luật lao động” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, được giảng dạy ở kì 6 năm thứ 3. Học phần này cung cấp cho người học những nội dung lí luận chung và các chế định liên quan đến quan hệ lao động và các tiêu chuẩn lao động như hợp đồng lao động, điều kiện lao động và điều kiện sử dụng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, giải quyết tranh chấp lao động, đình công. Thông qua việc nghiên cứu học phần giúp người học hiểu nội dung của các quy phạm pháp luật, đồng thời tạo điều kiện cho người học rèn luyện kỹ năng áp dụng pháp luật và thực hành nghề luật trong lĩnh vực lao động.

2.6.47. [1130275], [Luật thương mại quốc tế], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 6, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Luật thương mại quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản về việc điều chỉnh các hoạt động thương mại quốc tế. Môn học tập trung vào ba vấn đề

cơ bản: những vấn đề cơ bản của Luật thương mại quốc tế, giới thiệu về các thiết chế thương mại quốc tế như WTO và tổng quan về hoạt động mua bán, thanh toán và giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế.

2.6.48. [1130441], [Pháp luật Cộng đồng ASEAN], [2TC]

Pháp luật Cộng đồng ASEAN là một bộ phận của Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế nhưng có quy mô nhỏ hơn, và có những đặc điểm riêng của khu vực. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN. Thông qua những vấn đề này, môn học không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá dịch vụ và lao động lành nghề; thu hẹp khoảng cách phát triển, xoá đói giảm nghèo, phát triển con người, xã hội và đảm bảo bền vững môi trường, tạo dựng bản sắc ASEAN; hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam. Pháp luật Cộng đồng ASEAN là một bộ phận của Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế nhưng có quy mô nhỏ hơn, và có những đặc điểm riêng của khu vực. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN. Thông qua những vấn đề này, môn học không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá dịch vụ và lao động lành nghề; thu hẹp khoảng cách phát triển, xoá đói giảm nghèo, phát triển con người, xã hội và đảm bảo bền vững môi trường, tạo dựng bản sắc ASEAN; hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

2.6.49. [1130283], [Thực tập nhận thức], [2TC]

2.6.50. [1130445], [Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng], [2TC]

Học phần “Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng” là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, được giảng dạy ở kì 7 năm 4. Học phần này cung cấp những kỹ năng cơ bản trong đàm phán và soạn thảo hợp đồng như: giao kết hợp đồng, các phương thức đàm phán hợp đồng; những vấn đề cần quan tâm khi soạn thảo hợp đồng, kỹ năng soạn thảo các điều khoản trong hợp đồng.

2.6.51. [...], [Chứng cứ chứng minh trong giải quyết vụ việc pháp luật], [2TC]

Học phần Chứng cứ, chứng minh trong giải quyết vụ việc pháp luật là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành luật tại Trường Đại học Quy Nhơn. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động chứng minh theo quy định của pháp luật, cụ thể là các nội dung liên quan việc đến thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong các quá trình tố tụng.

Học phần có mối liên hệ chặt chẽ và bổ trợ với các học phần Luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính. Thông qua việc nghiên cứu đặc điểm chứng cứ và phương pháp chứng minh trong từng lĩnh vực pháp luật, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá và sử dụng chứng cứ một cách khoa học và khách quan, đáp ứng yêu cầu công bằng và hiệu quả trong hoạt động tư pháp.

2.6.52. [1130448], [Kỹ năng tư vấn pháp luật], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 7, thuộc khối kiến thức bổ trợ, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật nằm trong khối kiến thức bổ trợ về kỹ năng nghề nghiệp, giúp cung cấp cho người học các kiến thức về hoạt động tư vấn pháp luật, giúp người học phân biệt được hoạt động tư vấn pháp luật với các hoạt động khác như nghiên cứu pháp luật, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin pháp luật; môn học còn nhằm mục đích hình thành các kỹ năng trong hoạt động tư vấn pháp luật, từ đó hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp. Đây là môn học mang tính định hướng nghề nghiệp nên được thiết kế đưa vào chương trình học của sinh viên năm cuối, sau khi đã hoàn thành hầu hết các môn luật chuyên ngành khác.

2.6.53. [1130387], [Trọng tài và hòa giải thương mại quốc tế], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 7, thuộc khối kiến thức bổ trợ, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng hòa giải và trọng tài thương mại quốc tế như: hòa giải thương mại, thẩm quyền của trọng tài, các loại hình trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài, công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

2.6.54. [1130342], [Luật Đất đai], [2TC]

Học phần Luật Đất đai là học phần thuộc khối kiến thức ngành của ngành Luật. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chế độ sở hữu đất đai ở Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, cách thức và phương pháp quản lý đất đai của nhà nước ta. Từ đó giúp người học nhận thức được vị trí, vai trò của pháp luật đất đai trong hệ thống pháp luật Việt nam và đối với công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

2.6.55. [1130446], [Rèn luyện nghiệp vụ tố tụng], [2TC]

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ tố tụng là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Luật tại Trường Đại học Quy Nhơn. Học phần tập trung là rõ các kỹ năng trong một số nghiệp vụ của hoạt động tố tụng đối với thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên. Học phần nhằm giúp người học củng cố các kiến thức lý luận đồng thời hình thành các kỹ năng nghề trong một số hoạt động tố tụng khi tham gia giải quyết vụ án có liên quan. Cùng với các học phần khác trong chương trình đào tạo, học phần có ý nghĩa rất lớn trong việc trang bị những kiến thức nền tảng và kỹ năng cần thiết về nghiệp vụ đối với thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên để sinh viên tự tin sau khi ra trường và tham gia các hoạt động nghề nghiệp nói trên.

2.6.56. [1130447], [Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự], [2TC]

Học phần “Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, là môn học nhằm rèn luyện nghiệp vụ và kỹ năng hành nghề cho sinh viên ngành luật. Học phần này được thiết kế bao gồm 20 tiết học lý thuyết và 20 tiết thực hành với những nhiệm vụ thực hành cụ thể để rèn luyện các kỹ năng giải quyết các vụ

việc dân sự.

2.6.57,58. [1130291], [Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 7, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết pháp luật, kiến thức, kỹ năng về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nội dung cụ thể gồm: Thanh tra; giải quyết khiếu nại; giải quyết tố cáo.

2.6.57,58. [1130384], [Pháp luật an sinh xã hội], [2TC]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 7, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Học phần giúp người học hiểu và nắm vững quy định pháp luật về an sinh xã hội như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội và có chế giải quyết tranh chấp an sinh xã hội. Trên cơ sở đó giúp người học vận dụng các quy định pháp luật an sinh xã hội để phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý thực tiễn cụ thể có liên quan về giải quyết các chế độ an sinh xã hội.

2.6.57,58. [1130443], [Pháp luật về du lịch], [2TC]

Học phần Luật du lịch trong chương trình đào tạo cử nhân ngành luật là học phần bắt buộc, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ nhất định để có thể đáp ứng được thị trường lao động đang có xu hướng phát triển ngành kinh tế du lịch của khu vực miền duyên hải miền trung. Học phần được thiết kế bao gồm có 8 chương, trong đó: chương 1 cung cấp một số khái niệm chung về du lịch, hoạt động du lịch, nhu cầu điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch, khái niệm luật du lịch; chương 2 cung cấp cho sinh viên khái niệm quản lý nhà nước về du lịch, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ quyền hạn của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, mục tiêu, nhiệm vụ của quản lý nhà nước về du lịch trong giai đoạn hiện nay; chương 3 cung cấp cho sinh viên những khái niệm tài nguyên du lịch, quy hoạch du lịch và sản phẩm du lịch; chương 4 cung cấp cho sinh viên quy chế pháp lý về hoạt động kinh doanh du lịch; chương 5 cung cấp cho sinh viên các loại hợp đồng trong lĩnh vực du lịch; chương 6 cung cấp cho sinh viên quy chế pháp lý về khách du lịch và hướng dẫn viên; chương 7 cung cấp cho sinh viên quy chế pháp lý về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và công dân nước ngoài; lưu trú của công dân nước ngoài tại Việt Nam; chương 8 cung cấp cho sinh viên vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch và trách nhiệm pháp lý.

2.6.57,58. [1130277], [Pháp luật về kinh doanh bất động sản], [2 TC]

“Pháp luật về kinh doanh bất động sản” là học phần tự chọn trong chương trình ngành luật, được giảng dạy ở kì 7 năm thứ 4. Học phần này cung cấp cho người học những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản. Thông qua việc nghiên cứu học phần giúp người học hiểu nội dung của các quy phạm pháp luật, đồng thời tạo điều kiện cho người học rèn luyện kỹ năng áp dụng pháp luật và thực hành nghề luật trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

2.6.59. [1130283], [Thực tập tốt nghiệp], [5TC]

- Đối với sinh viên, trình độ kiến thức là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Ngoài kiến thức, sinh viên ngành Luật cần phải trau dồi kỹ năng thực hành để áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Vì vậy, các sinh viên năm thứ 4 được nhà trường tổ chức các đợt thực tập vào học kỳ II năm thứ 4 hàng năm. Qua quá trình thực tập, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn chủ động áp dụng nó vào môi trường làm việc thực tế tại các cơ sở thực tập.

- Mục đích của đợt thực tập tốt nghiệp

- + Thâm nhập vào môi trường làm việc thực tế sau khi tốt nghiệp
- + Nâng cao nhận thức vai trò và trách nhiệm đối với ngành nghề
- + Tiếp cận và làm quen với các công việc liên quan đến chuyên ngành Luật
- + Tham gia làm các công việc mà đơn vị thực tập phân công
- + Tìm hiểu cơ quan, đơn vị cùng với những hoạt động liên quan đến chuyên ngành
- + Biết tổ chức thực hiện công việc cá nhân và theo nhóm
- + Sinh viên viết báo cáo chuyên đề thực tập tốt nghiệp

2.6.60. [1130359], [Khóa luận tốt nghiệp], [6TC]

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp và bố trí ở kỳ 8 trong chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần thể hiện sự vận dụng kiến thức tổng hợp về pháp luật vào thực tiễn nhằm giúp người học nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, từ đó đề xuất biện pháp khắc phục, hoàn thiện các hoạt động hoặc giúp đơn vị hoạt động hiệu quả hơn. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của giáo viên hướng dẫn, khi thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, người học sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn của đơn vị phù hợp với các nội dung chuyên ngành để nghiên cứu. Nội dung và kết cấu của khóa luận bao gồm: Hệ thống lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra các đề xuất hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề dựa trên đánh giá trên.

2.6.61. [1130389], [Luật Đầu tư], [2TC]

Học phần này được giảng dạy vào học kỳ thứ 8, thuộc khối kiến thức ngành, là học phần bắt buộc thay thế cho khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo. Mục tiêu của học phần là giúp người học nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, bao gồm biện pháp bảo đảm đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, các hoạt động đầu tư tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài. Đồng thời, học phần trang bị cho người học năng lực vận dụng kiến thức về chính trị, kinh tế và pháp luật để tổng hợp, phân tích, đánh giá các chính sách và quy định pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, trên cơ sở đó, người học có thể đưa ra nhận định, đề xuất giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật đầu tư.

2.6.61. [1130391], [Pháp luật về bảo vệ dữ liệu trên không gian mạng], [2TC]

Học phần cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong không gian mạng, gồm: khái niệm, nguyên tắc, mô hình quản trị dữ liệu; khung pháp lý Việt Nam (Nghị định 13/2023/NĐ-CP), pháp luật khu vực (ASEAN PDP Framework) và chuẩn mực quốc tế (GDPR, OECD, APEC CBPR). Ngoài ra, môn học rèn luyện kỹ năng khai thác – xử lý chứng cứ số, thiết kế quy trình tuân thủ và giải quyết tranh chấp phát sinh từ vi phạm bảo mật dữ liệu.

2.6.61. [1130390], [Pháp luật về môi trường], [2TC]

Học phần Pháp luật về môi trường là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật, là thay thế khoá luận tốt nghiệp. Pháp luật về môi trường trang bị cho người học những vấn đề mang tính lý luận tổng quan về môi trường và luật bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường. Đồng thời, học phần trang bị cho người học năng lực vận dụng kiến thức về chính trị, kinh tế và pháp luật để tổng hợp, phân tích, đánh giá các chính sách và quy định pháp luật môi trường, trên cơ sở đó, người học có thể đưa ra nhận định, đề xuất giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về môi trường.

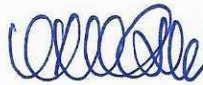
Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

TP. ĐÀO TẠO



TS. Lê Xuân Vinh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn